

### Mặt cắt sản phẩm

1. Màn Polyetylen
2. Hợp chất chống thấm
3. Sợi gia cường polyeste đơn tổng hợp không dệt
4. Hợp chất chống thấm
5. Mặt PE (tự bảo vệ)

### Mô tả

Màng bitum polyme đàn hồi, hợp chất được tinh chế từ bitum biến tính với khối lượng phân tử polyme cao, được gia cường bằng sợi polyeste không dệt chất lượng cao.

### Lĩnh vực ứng dụng

- Lớp mặt, dưới lớp bảo vệ, trong hệ thống đa lớp, chịu giao thông nặng, chống thấm (cầu và cầu cạn).
- Lớp mặt trong hệ thống chống thấm đa lớp
- Tầng, panen dưới mặt đất và móng chìm.

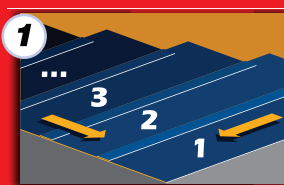
### Thi công

#### 1. CHUẨN BỊ BỀ MẶT

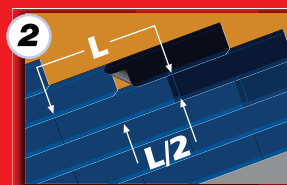
- Bề mặt nền bê tông cần được miết nhẵn bằng bay và được khử sạch cát tồn dư hoặc bám hờ trên bề mặt để tránh làm tổn hại đến lớp màng. Dùng vữa xi măng cát tạo phẳng, vuông góc các cạnh góc tường/lan can/khớp nối panel sàn. Bề mặt phải được làm sạch hoàn toàn trong khi thi công chống

#### 2. QUÉT LỚP SƠN LÓT

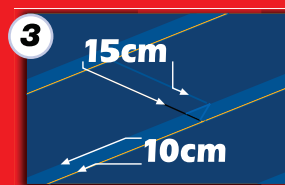
- Quét hoặc lăn một lớp sơn lót mỏng và đều lên bề mặt. Chỉ sơn lót khu vực thi công màng trong ngày. Sau khi sơn lót khoảng 2-3 giờ, có thể dán màng trong điều kiện thời tiết bình thường và trên bề mặt bê tông



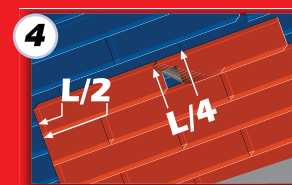
Trải màng theo một đường thẳng



Thi công khô màng



Chồng mép



Thi công cho bề mặt đứng hoặc nghiêng

## Khuyến cáo

### 3. THI CÔNG DÁN MÀNG

- Để dán màng được phẳng trên mặt bê tông, cần lăn trải cuộn theo đường thẳng. Sử dụng phương pháp khô nhiệt, khô đều mặt màng phía dưới đến khi lớp màng mỏng chảy và kết dính với lớp bitum quét lót. Mép gờ cuối tối thiểu 10cm. Trên bề mặt đứng hoặc nghiêng, phải dán màng từ thấp lên cao.

### 4. BẢO QUẢN

Vật liệu phải được bảo quản trong khu vực khô ráo và râm mát, tránh ánh nắng trực tiếp, UV, các nguồn nhiệt khác và nhiệt độ khắc nghiệt. Thời hạn sử dụng của sản phẩm có thể kéo dài 12 tháng nếu được bảo quản theo hướng dẫn. Tiếp xúc nhiều với ánh nắng và UV sẽ làm giảm chất lượng sản phẩm và thời hạn sử dụng.

## Thông số kỹ thuật

SẢN PHẨM	LEMAX 4MM PE - APP				
Thành phần	BPP	(Nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)			
Lớp gia cường	Thành phần polyeste không dệt				
<b>ĐẶC TÍNH</b>	<b>EN DRC</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>TRỊ SỐ</b>		<b>TOL</b>
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	....	Thông qua		....
Độ dày	EN 1849-1	mm	4,00		-0,2
Khối lượng/diện tích	EN 1849-1	kg/m <sup>2</sup>			npd
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00	10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20		Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	1200	1000	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	50	50	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N/5cm	200	200	Thông qua
Chịu tải tĩnh	EN 12730-A	Kg	25		Thông qua
Chịu va đập	EN 12691	mm	1750		Thông qua
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm	900	800	Thông qua
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm			npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	-10		Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C			npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297	....	Thông qua		....
Tính kín nước	EN 1928	kPa	60		....
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x 1000	20 (mặc định)		Npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x 1000			npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	%	-0,25	0,15	Thông qua
Kháng rễ	EN 13948	....			npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)		npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F		npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%			npd
Mặt trên	Mặt PE (tự bảo vệ)				
Mặt dưới	Màng polyetylen nhiệt nóng chảy				
Cuộn x pallet/đóng gói	24	Với polyetylen co ngót, trên pallet			

## Kích thước & Đóng gói

	P 4.0 mm
Kích thước cuộn [m]	10x1
Số cuộn/palet	24
Diện tích/palet [m]	240

# Lemax®

VETROASFALTO Spa  
Via Pascoli 3, 2006 Basiglio (MI) - Italy

Tel: +39 02 95983247  
Fax: +39 02 95983557

